TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẤT ĐỎ** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 21/2018/HNGĐ-ST Ngày: 18-7-2018 V/v: Không công nhận vợ chồng giữa bà L và ông T	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Trọng

Bà Huỳnh Thị Thuận

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Lê Thị Mai -Thư ký TAND huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

Ngày 18 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 126/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2018 về việc "Yêu cầu không công nhận vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1971, "có mặt"

Địa chỉ: Tổ 16 ấp A, xã D, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Anh T, sinh năm 1966, "có mặt"

Địa chỉ: Tổ 16 ấp A, xã D, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 20-4-2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

- Về hôn nhân: Bà L và ông Nguyễn Anh T tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng nào năm 1989, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng về sinh sống tại địa chỉ: Tổ 16 ấp A, xã D, huyện Đ. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông T thường xuyên uống rượu, ghen tuông vô cớ nên thường kiếm

chuyện gây gỗ, dùng lời lẽ thiếu tế nhị để xúc phạm bà L và còn có hành vi bạo hành bà L. Do vậy, bà L và ông T đã ly thân từ đầu năm 2017 cho đến nay. Nay, bà L nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn được và tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án tuyên bố quan hệ giữa bà L và ông T không phải là quan hệ vợ chồng.

-Về nuôi con chung: Bà L và ông T có 01 người con chung là Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1989. Hiện nay con chung đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà L và ông T tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Bà L xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

2. *Tại bản khai và trong quá trình xét xử bị đơn ông Nguyễn Anh T trình bày*:

Ông T thống nhất như lời trình bày của bà L về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn là bà L đi làm ăn xa, không thường xuyên ở nhà nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, do nghi ngờ bà L có quan hệ bất chính với người đàn ông khác nên trong lúc nóng giận ông T có đánh bà L nhưng không gây thương tích gì. Nay, ông T xác định vẫn còn tình cảm với bà L, mong muốn được về đoàn tụ chung sống và đi đăng ký kết hôn theo quy định nhưng bà L vẫn cương quyết ly hôn. Vì vậy, ông T đồng ý chấm dứt quan hệ vợ chồng với bà L.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Thống nhất như ý kiến và yêu cầu của bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu,chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị L yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà L và ông T. Ông T cư trú trên địa bàn huyện Đất Đỏ nên Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Anh T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1988, có đủ điều kiện kết hôn nhưng đến nay vẫn không đăng ký kết hôn là vi phạm quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, dù bà L và ông T chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, không được pháp luật công nhận và bảo vệ. Do vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình để tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà L và ông T.

[2.2] Về con chung: Đã thành niên nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Bà L và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

[2.4] Về nợ chung: Bà L và ông T xác định không có nên không xét đến.

[3] Về án phí: Bà L phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội.

Ông T không phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Anh T.

2. Về con chung: Đã thành niên.

3. Về tài sản chung: Bà L và ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà L và ông T xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa

án số: TU/2017/0000469 ngày 17 tháng 5 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Bà L đã nộp đủ tiền án phí.

- Ông Nguyễn Anh T không phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án,quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án,quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự,thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Đất Đỏ;
- Chi Cục THADS huyện Đất Đỏ;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Dung